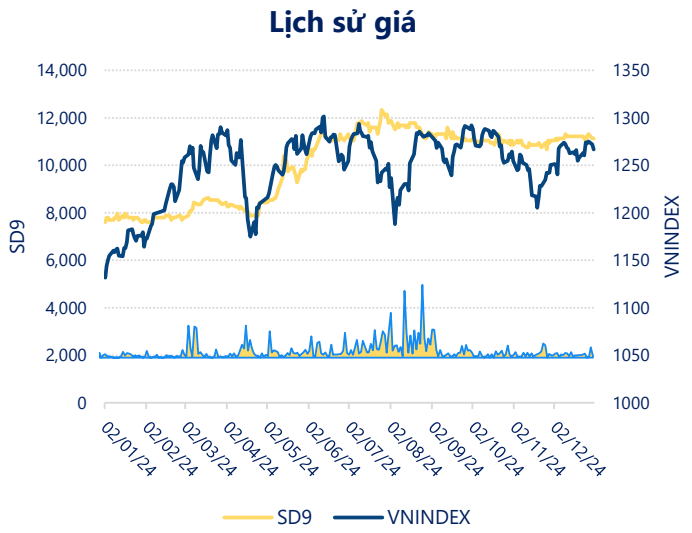
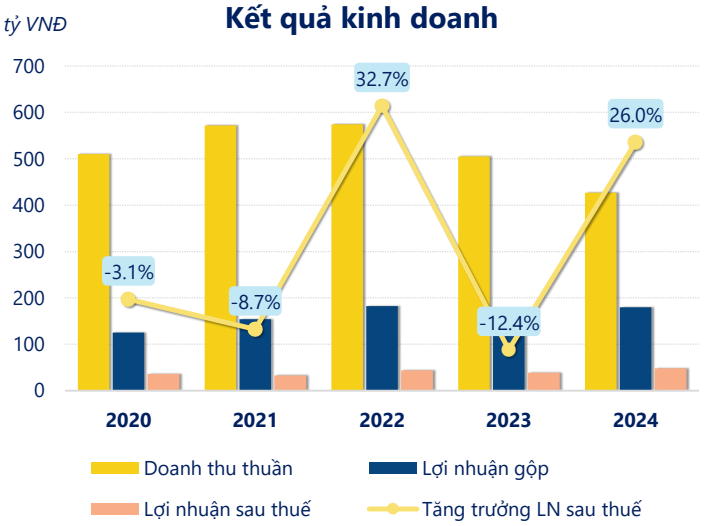
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	12,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.7%	9.6%	1.9%

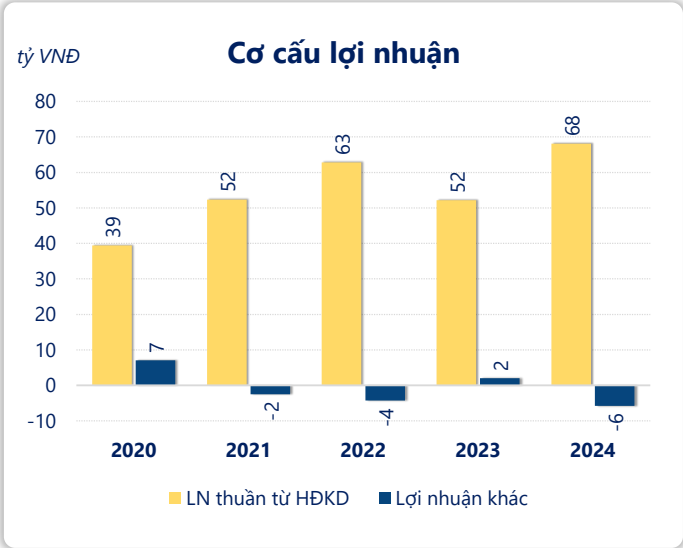
	2024	YoY
DT thuần	427 *tỷ VNĐ*	▼ 78.0 ▼ 15.5%
LN gộp	180 *tỷ VNĐ*	▲ 24.0 ▲ 15.4%
LN thuần	68.1 *tỷ VNĐ*	▲ 15.9 ▲ 30.5%
LN sau thuế	48.5 *tỷ VNĐ*	▲ 10.0 ▲ 26.0%
ROE	3.0%	+/- YoY ▲ 1.6%
ROA	1.4%	+/- YoY ▲ 0.8%

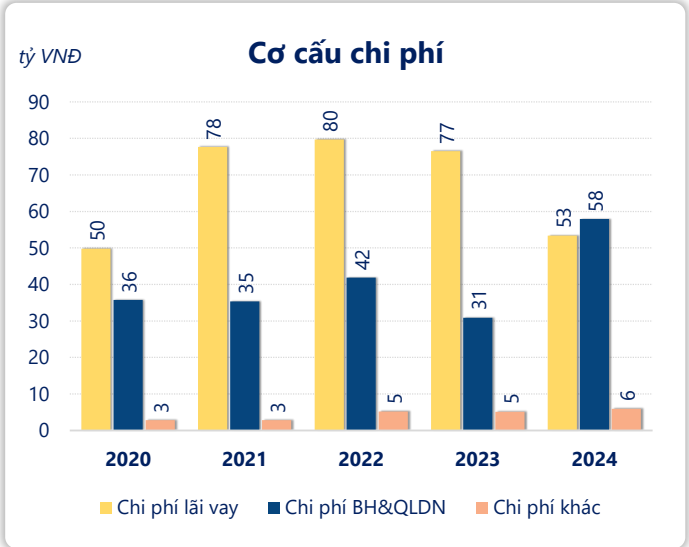




Kết quả kinh doanh **SD9** năm **2024**, doanh thu thuần **giảm mạnh 15.5%** chỉ còn **426.9** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 26.0%** đạt **48.46** tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

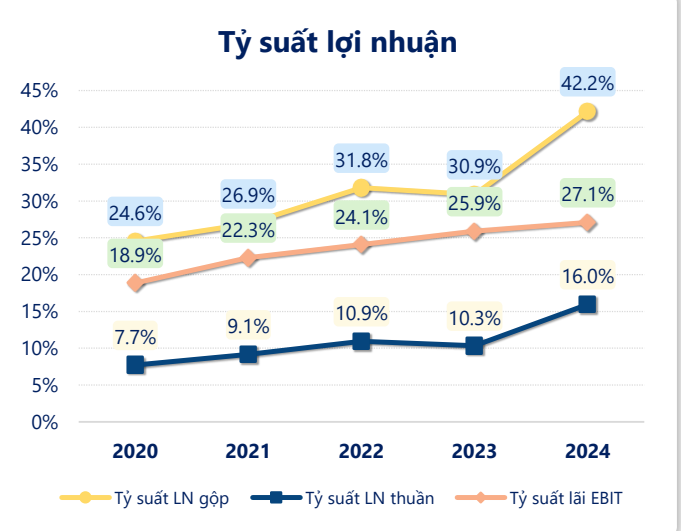


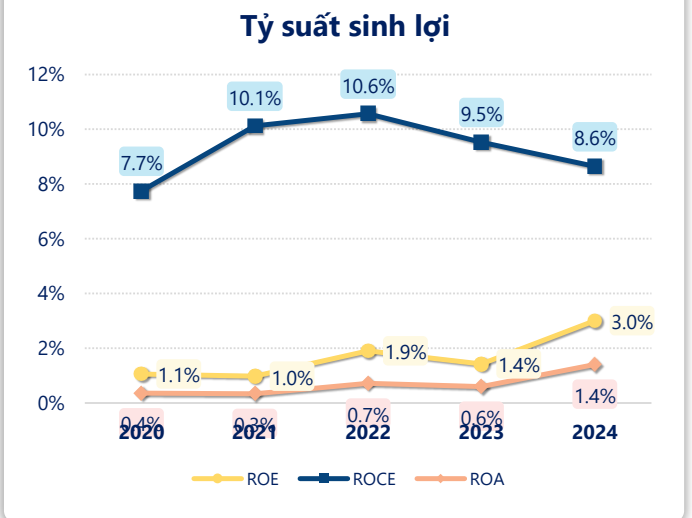


Năm **2024**, **SD9** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **68.10** tỷ đồng, **tăng lên 15.93** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (54.95 tỷ đồng) là 13.15 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

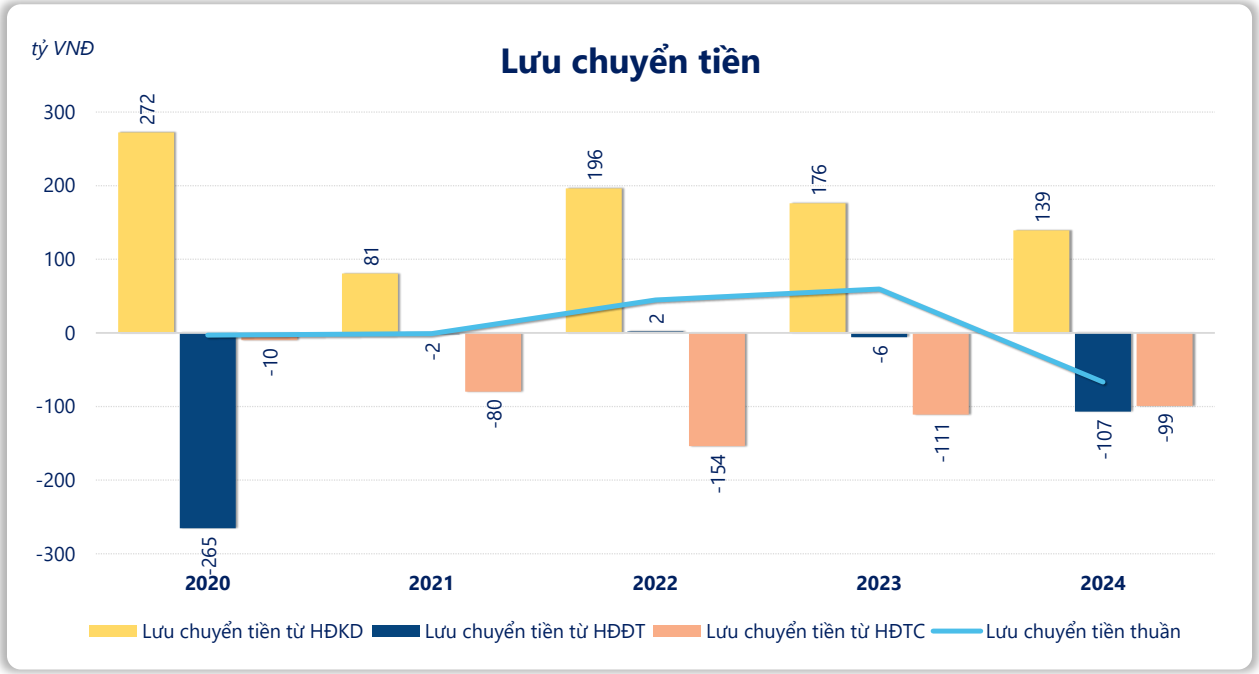
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **53.35** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **57.91** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **5.96** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của SD9 năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **3.01%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**510**	**572**	**574**	**505**	**427**
Giá vốn hàng bán	385	418	392	349	247
Lợi nhuận gộp	**125**	**154**	**183**	**156**	**180**
Doanh thu HĐTC	3.12	3.81	3.82	4.43	4.26
Chi phí TC	53.3	70.1	81.7	77.3	58.3
Chi phí lãi vay	**49.8**	**77.6**	**79.7**	**76.5**	**53.3**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.25	0	0	0	0
Chi phí QLDN	35.5	35.4	41.9	30.9	57.9
LN thuần từ HĐKD	**39.4**	**52.3**	**62.8**	**52.2**	**68.1**
Lợi nhuận khác	7.08	-2.49	-4.27	2.02	-5.80
LN trước thuế	**46.5**	**49.8**	**58.5**	**54.2**	**62.3**
Lợi nhuận sau thuế	**36.3**	**33.1**	**43.9**	**38.5**	**48.5**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.70**	**8.05**	**15.8**	**12.0**	**25.3**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của SD9 bằng **-66.67** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (59.59 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **139.2** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-106.9** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-99.03** tỷ đồng.